

# TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BÌNH ĐẲNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

Ngày nhận bài: 10/01/2014

Ngày nhận lại: 25/02/2014

Ngày duyệt đăng: 10/03/2014

*ThS. Nguyễn Năng Nam<sup>1</sup>*

*ThS. Trần Minh Quốc<sup>2</sup>*

## TÓM TẮT

*Tư tưởng Hồ Chí Minh về Bình đẳng dân tộc (BĐDT) ở Việt Nam là sự khẳng định vị trí, vai trò của mỗi dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam với các quyền sống, tự do, hạnh phúc và phát triển được thể hiện trên các mặt của đời sống. BĐDT gắn liền với đại đoàn kết toàn dân tộc; Đảng, Nhà nước là chủ thể chính trong việc xác lập và thực hiện quyền BĐDT; giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là sự bảo đảm vững chắc nhất cho bình đẳng giữa các dân tộc. Đây là kim chỉ nam, cơ sở lý luận trực tiếp để Đảng và Nhà nước ta có những chủ trương, chính sách đúng đắn, kịp thời trong việc xây dựng, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu của cách mạng Việt Nam.*

**Từ khóa:** Bình đẳng dân tộc, đoàn kết, chính sách, kinh tế, văn hóa, xã hội.

## ABSTRACT

*Ho Chi Minh ideology on equality among people in Vietnam affirms position and role of different ethnic minority groups of the people community in the country with the right of freedom, happiness and development which is shown at different aspects of life. Equality among people is closely attached to great unity of people, the State and Party, which is the main theme in defining and implementing the equality among people; holding independence and successfully building socialism. This is magnetic needle and a direct reasoning foundation that the State and the Party have proper guidelines and policies in building and expanding great unity among people in order to carry out goals of Vietnamese revolution.*

**Keywords:** Equality among people, great unity, policies, culture, society.

## 1. MỞ ĐẦU

Nghiên cứu di sản lý luận và cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để khẳng định: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về BĐDT ở Việt Nam là hệ thống những luận điểm về vị trí, vai trò, nội dung của BĐDT, phương thức hiện thực hoá quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội; BĐDT luôn gắn với tăng cường đoàn kết, tôn trọng, giúp*

*đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ, khắc phục nguy cơ gây bất bình đẳng, nhằm làm cho đồng bào các dân tộc ngày càng được hưởng đầy đủ những giá trị vật chất, tinh thần trên thực tế. Tư tưởng này được hình thành trên cơ sở tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc, BĐDT; tinh hoa văn hóa, thực tiễn đấu tranh đòi quyền bình đẳng của nhân loại tiến bộ; từ điều kiện kinh tế - xã hội, những giá trị văn hoá, tinh thần và đặc điểm của*

<sup>1</sup> Học viên Khoa học Quân sự Hà Nội.

dân tộc Việt Nam; với những phẩm chất trí tuệ đặc biệt và bằng hoạt động thực tiễn sinh động của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

BĐDT là khẳng định và thực hiện quyền được sống, được đối xử như nhau giữa dân tộc Việt Nam với tất cả các quốc gia - dân tộc khác trên thế giới trong quan hệ quốc tế và trên mọi lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng-an ninh giữa các tộc người trên đất nước Việt Nam thống nhất.

## 2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BĐDT Ở VIỆT NAM

Vận dụng lý luận Mác - Lênin trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm rõ những nội dung cụ thể của bình đẳng dân tộc ở Việt Nam với những nội dung cơ bản sau:

Một là, BĐDT là quyền cơ bản của các dân tộc và luôn gắn liền với độc lập, tự do của Tổ quốc, ấm no, hạnh phúc của nhân dân

Trong quan hệ quốc tế, theo Hồ Chí Minh thì bình đẳng giữa các quốc gia - dân tộc là quyền tất yếu. Do đó, Người xác định mục tiêu tối thượng của cách mạng Việt Nam là giải phóng Tổ quốc, giành quyền độc lập và quyền bình đẳng. Tức là, dân tộc Việt Nam phải được độc lập, tự do và bình đẳng với các dân tộc trên thế giới. Muốn vậy, phải đặt sự nghiệp giải phóng dân tộc vào tiến trình của cách mạng vô sản và gắn độc lập dân tộc với CNXH. Người viết: “Các dân tộc bị áp bức trên thế giới thấy rằng chỉ có dựa vào phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa, đi theo đường lối của giai cấp công nhân thì mới đánh đổ được bọn đế quốc để giành lại độc lập dân tộc hoàn toàn và bình đẳng thật sự giữa các dân tộc”<sup>3</sup>. Nghĩa là, muốn thực hiện quyền bình đẳng

giữa các dân tộc, cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng XHCN; nhân dân Việt Nam phải quyết đem hết tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để bảo vệ thành quả cách mạng.

Quyền BĐDT có mối quan hệ chặt chẽ với nền độc lập dân tộc và có sự tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, độc lập dân tộc là điều kiện “gốc” của BĐDT. Muốn có BĐDT, trước hết dân tộc ta phải được độc lập và nền độc lập đó phải là nền độc lập thực sự, độc lập hoàn toàn. Cho nên, để thực hiện BĐDT, phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, làm cho nước ta hoàn toàn độc lập, nhân dân ta hoàn toàn tự do, trên cơ sở đó thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam.

Khi đã giành được độc lập, thì các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, gắn bó máu thịt với nhau trên một lãnh thổ chung. Đó là quyền rất cơ bản của các dân tộc phải luôn được tôn trọng và bảo vệ. Người viết: “Bây giờ chúng ta, tất cả các dân tộc Kinh, Thái, Mường, Mèo, Mán, Xá, Puộc, v.v. đều là anh em ruột thịt một nhà chứ không phải Kinh ăn hiếp Thái, Thái ăn hiếp Xá, Puộc như trước nữa”<sup>4</sup>. Đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS) còn lạc hậu, nên Người đặc biệt quan tâm đến thực hiện bình đẳng giữa các DTTS với dân tộc đa số và giữa các DTTS với nhau: “Anh em thiểu số chúng ta sẽ được: Dân tộc bình đẳng. Chính phủ sẽ bãi bỏ hết những điều hủ tệ cũ, bao nhiêu bất bình đẳng trước sẽ sửa chữa đi”<sup>5</sup>. Đây là nội dung quan trọng trong thực hiện chính sách dân tộc, BĐDT ở Việt Nam.

BĐDT không chỉ gắn liền với độc lập Tổ quốc mà còn phải vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Bởi theo Người, nếu nước

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 9, Nxb CTQG, H. 2000, tr.580.*

<sup>4</sup> Hồ Chí Minh. *Sđđ., t. 9, tr.443.*

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh. *Sđđ., t. 4, tr.110.*

được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập ấy cũng chẳng có nghĩa lý gì. Chính cuộc sống âm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, ốm đau có thuốc chữa bệnh, có quyền giữ gìn, phát triển, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc mình mới là giá trị đích thực của BDDT mà Hồ Chí Minh hướng các dân tộc ở nước ta vươn tới. Nội dung quan trọng này chỉ ra mục đích, phương pháp đúng đắn để thực hiện quyền BDDT ở Việt Nam trên thực tế.

Hai là, BDDT vừa là mục tiêu vừa là nguyên tắc chỉ đạo nhất quán trong chính sách dân tộc ở nước ta và phải được bảo đảm về pháp lý.

BDDT là mục tiêu quan trọng, là nguyên tắc chỉ đạo nhất quán trong CSĐT của Đảng và Nhà nước ta. Trong *Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*, Người viết: “Chính sách dân tộc của chúng ta là nhằm thực hiện sự bình đẳng giúp nhau giữa các dân tộc để cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội”<sup>6</sup>. Muốn thực hiện BDDT, phải xác định quan điểm, chủ trương, chính sách dân tộc đúng đắn, phù hợp với đặc điểm của dân tộc Việt Nam và tổ chức thực hiện hiệu quả trên thực tế. Điều đó cho thấy, BDDT là một trong những mục tiêu quan trọng trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Mục đích chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta là nhằm đánh thắng “giặc đói, giặc dốt”, nghèo nàn và lạc hậu, làm cho các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam được hoàn toàn bình đẳng về mọi mặt, đồng bào ngày càng được hưởng đầy đủ hơn những quyền lợi về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội trên thực tế, DTTS tiến kịp dân tộc đa số và cùng tiến

bộ. Mục tiêu thực hiện BDDT trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở tiêu chí đồng bào thiểu số “tiến kịp” đồng bào đa số mà phải là các dân tộc ngày càng văn minh, tiến bộ và cùng tiến lên CNXH. Bởi, CNXH là mục tiêu, phương hướng phát triển của tất cả các dân tộc sinh sống ở nước ta, là sự bảo đảm vững chắc và thực thi tốt nhất để các dân tộc được bình đẳng thật sự, bình đẳng hoàn toàn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời, đó là quá trình từng bước xóa bỏ những yếu tố bất bình đẳng giữa các dân tộc, chứ không phải là dân tộc có trình độ phát triển cao “dừng lại” để “chờ” cho các dân tộc đang ở trình độ thấp “tiến kịp”. Như vậy, BDDT không chỉ là mục tiêu mà còn là nguyên tắc chỉ đạo nhất quán, xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về BDDT ở Việt Nam.

Quyền BDDT phải được bảo đảm về mặt pháp lý theo phương châm “trăm điều phải có thân linh pháp quyền”, đây là nền tảng để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, bình đẳng. Chính vì vậy, ngay khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Người đã chỉ đạo tổ chức tốt cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước, vì “Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng tức là dân chủ, đoàn kết”<sup>7</sup>. Mọi người dân thuộc các dân tộc khác nhau, nếu không mất quyền công dân đều có quyền làm chủ đất nước. Ngày 06-01-1946, đồng bào các dân tộc cả nước đi bỏ phiếu bầu ra Quốc hội, Quốc hội lập ra Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa nhằm hợp pháp hóa quyền bình đẳng của các dân tộc. Người khẳng định: “Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”<sup>8</sup>.

Ba là, BDDT được thực hiện một cách toàn diện trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội của các dân tộc.

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 9, tr.587.

<sup>7</sup> Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 4, tr.133.

<sup>8</sup> Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 9, tr.587.

Trong tư tưởng và thực tiễn lãnh đạo đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán và thực hiện triệt để vấn đề BĐDT trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng - an ninh trong đời sống của các dân tộc.

*Bình đẳng về kinh tế* đóng vai trò quan trọng, làm nền tảng, tạo cơ sở vật chất và xét đến cùng quyết định đến thực hiện BĐDT trên các lĩnh vực khác. Để thực hiện nội dung này, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng và Nhà nước ta phải tạo điều kiện, cơ hội cho các dân tộc thiểu số có sự phát triển đồng đều về trình độ kinh tế, về phương thức, cách thức sản xuất, thu nhập, điều kiện ăn, mặc, ở, đi lại; làm cho đời sống và sự sinh tồn của đồng bào các dân tộc được bảo đảm và miền núi tiến kịp miền xuôi... Bất kỳ đặc quyền kinh tế nào dành riêng cho một dân tộc, đều có thể vi phạm lợi ích kinh tế của các dân tộc khác, dẫn đến sự bất BĐDT. Mặt khác, trong quốc gia đa tộc người, sự thấp kém về trình độ phát triển kinh tế của một tộc người không chỉ cản trở sự phát triển của bản thân tộc người ấy, mà còn là lực cản tiến trình phát triển chung của cả cộng đồng dân tộc - quốc gia. Cho nên, phải quan tâm giúp đỡ đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển về kinh tế để nâng cao đời sống đồng bào, từng bước khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các tộc người, giữa các vùng, miền.

*Bình đẳng về chính trị.* Trên phạm vi *quan hệ quốc tế*, đó là quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác trên thế giới trong việc quyết định vận mệnh, lựa chọn chế độ chính trị, không một thế lực nào có thể áp đặt hoặc cản trở con đường đi lên CNXH của dân tộc Việt Nam. Theo Người, ở nước ta quyền lợi dân tộc, quyền lợi giai cấp công nhân, nhân dân lao động và quyền lợi Tổ quốc là

thống nhất. Trong *phạm vi quốc gia - dân tộc Việt Nam*, “Về chính trị thì các dân tộc đều bình đẳng, dân chủ, đoàn kết”<sup>9</sup>, “Tất cả nhân dân các dân tộc đều *có quyền làm chủ nước nhà*”<sup>10</sup>, đều bình đẳng trước pháp luật. Các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều cùng có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, cùng chung lưng đấu cật đấu tranh chống thực dân, phong kiến thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và CNXH. Hễ là công dân Việt Nam, không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số, tôn giáo, đảng phái, giàu nghèo... tất cả đều có quyền làm chủ Nhà nước, quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương theo quy định của pháp luật. Người chỉ rõ, quyền bình đẳng giữa các dân tộc về chính trị không chỉ được qui định trong Hiến pháp và pháp luật mà quan trọng hơn là phải được thực hiện trên thực tế.

*Bình đẳng về văn hoá*, đó là bình đẳng trong phát triển, nâng cao dân trí, trình độ học vấn của mỗi dân tộc; là việc thừa nhận và khẳng định quyền được tôn trọng, bảo vệ, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá, ngôn ngữ, phong tục, tập quán truyền thống; quyền được học tập, được hưởng chế độ giáo dục “như nhau” giữa các dân tộc. Để thực hiện điều đó, phải nâng cao trình độ học thức cho đồng bào bằng việc đẩy mạnh học bỏ túc văn hoá, tiến hành tốt công tác xoá nạn mù chữ, mở mang hệ thống giáo dục cho các DTTS, xoá bỏ mê tín, hủ tục, tập quán lạc hậu,... Thực tế cho thấy, ngay sau khi đất nước giành được độc lập, Người đã đề nghị Chính phủ thành lập “Nhà bình dân học vụ”, phát động phong trào toàn dân học chữ, kiên quyết diệt trừ “giặc dốt” đồng thời với diệt giặc đói và giặc ngoại xâm. Những tư tưởng trên thể hiện sự quan tâm

<sup>9</sup> Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 11, tr.242.

<sup>10</sup> Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 10, tr.286.

của Hồ Chí Minh đến BĐDT về văn hoá, coi đó là một trong những động lực thực hiện BĐDT trên các lĩnh vực khác.

*Bình đẳng về xã hội*, là xây dựng quan hệ xã hội bình đẳng giữa các dân tộc, thể hiện ở sự tôn trọng, không phân biệt giữa các dân tộc ở nước ta và tạo điều kiện để những yếu tố tích cực trong thiết chế xã hội truyền thống của các dân tộc được giữ gìn, phát triển phù hợp với những thiết chế xã hội mới. Đồng thời, khắc phục, loại bỏ những yếu tố lạc hậu, tiêu cực trong các thiết chế xã hội truyền thống, trong nội bộ dòng họ, thân tộc, cũng như quan hệ với các dòng họ cùng cư trú trên một địa bàn. Đây là quá trình kết hợp đúng đắn, hài hòa lợi ích của các dân tộc với lợi ích quốc gia. Trong đó, phải giải quyết những vấn đề bức xúc ở các vùng DTTS và miền núi đang đặt ra như: Xoá đói, giảm nghèo, tạo việc làm, chăm sóc sức khoẻ, phòng chống các tệ nạn xã hội, vệ sinh phòng bệnh, giao thông được thông suốt giữa miền núi và miền xuôi. Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn đặc biệt quan tâm đến bình đẳng giới, phải thực hiện “gái và trai bình quyền, các dân tộc bình đẳng”<sup>11</sup>.

*Bình đẳng về quốc phòng - an ninh* được Hồ Chí Minh bàn đến ở khía cạnh nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi người thuộc các dân tộc trong bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh trật tự xã hội. Theo Người: “Mọi người đều phải góp phần vào việc củng cố quốc phòng và giữ gìn trị an để nhân dân được yên vui sản xuất, xây dựng nước nhà”<sup>12</sup>. Các dân tộc thực hiện quyền bình đẳng về quốc phòng - an ninh trước hết là động viên con em mình thực hiện nghĩa vụ quân sự, giúp đỡ bộ đội trong kháng chiến cũng như bảo vệ Tổ quốc trong thời bình. Người chỉ rõ: “Bộ đội là

con, em, cháu của đồng bào, bộ đội không phải ở trên trời rơi xuống. Vì vậy đồng bào nên giúp đỡ cán bộ làm nghĩa vụ quân sự cho tốt”<sup>13</sup>.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh các dân tộc ở nước ta có quyền bình đẳng toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng - an ninh, được pháp luật bảo đảm và phải được thực hiện trên thực tế. Trong đó, thực hiện BĐDT về kinh tế suy cho cùng giữ vai trò quyết định sự bình đẳng trên các lĩnh vực khác.

Bốn là, BĐDT luôn gắn với đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; nêu cao lòng tự hào, ý thức tự giác vươn lên của các dân tộc, đồng thời khắc phục mọi nguy cơ gây bất BĐDT.

Đoàn kết các dân tộc là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài của sự nghiệp cách mạng ở nước ta; đoàn kết là sức mạnh, là “điểm tựa” của mọi thành công. Do đó, BĐDT phải luôn gắn với đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc. Người cho rằng: “*Phải tăng cường đoàn kết dân tộc...* Các dân tộc miền núi đoàn kết chặt chẽ, các dân tộc thiểu số đoàn kết với các dân tộc đa số”<sup>14</sup>. Đồng bào các dân tộc không phân biệt lớn, nhỏ phải thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, phải đoàn kết chặt chẽ như anh em một nhà để cùng nhau xây dựng Tổ quốc chung. Theo Hồ Chí Minh, lợi ích của tất cả các dân tộc ở nước ta là thống nhất, đây là cơ sở quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc và BĐDT. Khi các dân tộc được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ thì sẽ tạo nên tiếng nói chung và sự đồng thuận giữa các dân tộc. Ngược lại, nếu sự bất bình đẳng gia tăng, hay sự chênh lệch ngày càng lớn, sẽ nảy sinh những vấn đề phức tạp trong quan hệ giữa các dân tộc, có

<sup>11</sup> Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t. 11, tr.214.

<sup>12</sup> Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t. 11, tr.191.

<sup>13</sup> Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t. 9, tr.442.

<sup>14</sup> Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t. 10, tr.418.

thể dẫn đến những hậu quả khôn lường. Vì thế, BĐDT là nguyên tắc để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Để thực hiện BĐDT phải phát huy tinh thần giúp đỡ, tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc, vì ở nước ta, các dân tộc có trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đều, sinh sống trên các vùng, miền có những thuận lợi và khó khăn khác nhau. Người viết: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau”<sup>15</sup>. Trong đó, các dân tộc có điều kiện phát triển cao hơn, nhất là dân tộc đa số phải tương trợ, giúp đỡ các DTTS cùng tiến bộ về mọi mặt. Người nói: “Dân tộc nào đông hơn, nhiều người hơn, tiến bộ hơn thì phải giúp đỡ các dân tộc khác để đều tiến bộ như nhau, đều đoàn kết như anh em một nhà”<sup>16</sup>. Ngoài ra, mỗi dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều có đặc điểm, bản sắc văn hoá, phong tục, tập quán riêng. Cho nên, để thực hiện quyền bình đẳng, Hồ Chí Minh yêu cầu phải giữ thái độ tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc; tránh thái độ miệt thị, coi thường văn hoá, phong tục, tập quán của dân tộc khác.

Phát huy tinh thần “tự giải phóng” và “dựa vào sức mình là chính” để có độc lập, tự do, bình đẳng thực sự. Theo Người, một dân tộc mà cứ ngồi chờ, không tự vươn lên khắc phục những hạn chế, khó khăn thì dân tộc đó không xứng đáng được hưởng quyền tự do, bình đẳng. Chỉ có khắc phục tư tưởng tự ti, phát huy tinh thần cố gắng vươn lên trong sản xuất và đời sống thì các DTTS mới được bình đẳng với dân tộc đa số. Vì tự ti dân tộc sẽ tự mình kìm chân

mình, không phát triển được, thì như thế không thể tiến kịp dân tộc đa số, nghĩa là không thực hiện được quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Phải chủ động, tích cực đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành động chia rẽ, gây bất BĐDT. Những nguy cơ gây bất bình đẳng xuất phát từ nhiều phía và thường biểu hiện ở tư tưởng dân tộc lớn, thái độ xem thường dân tộc nhỏ, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, cục bộ, tự ti dân tộc, hoặc những biểu hiện sự ban ơn, áp đặt, kỳ thị, hiềm khích, phân biệt đối xử trong quan hệ dân tộc. Người nhấn mạnh: “Phải khắc phục những tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc, người dân tộc lớn dễ mắc bệnh kiêu ngạo. Cán bộ địa phương, nhân dân địa phương lại dễ cho mình là dân tộc bé nhỏ, tự ti, cái gì cũng cho là mình không làm được, rồi không cố gắng. Đó là những điểm phải tránh”<sup>17</sup>. Tình trạng bất bình đẳng còn do hậu quả của bọn đế quốc, thực dân và phong kiến thi hành chính sách “chia để trị”, phá hoại sự đoàn kết, gây thù hằn giữa các dân tộc. Vì vậy, “Đảng và Chính phủ ta luôn luôn kêu gọi các dân tộc xoá bỏ xích mích do đế quốc và phong kiến gây ra, cùng nhau đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”<sup>18</sup>.

*Năm là, cách thức, biện pháp thực hiện BĐDT là “phải làm đầy đủ chính sách dân tộc, phải làm cho khéo”, thiết thực và hiệu quả trên thực tế.*

Trong chỉ đạo việc ban hành và thực hiện chính sách dân tộc, Hồ Chí Minh luôn nhất quán giữa nguyên tắc pháp lý nêu trong các văn bản pháp luật với quá trình thực hiện các nguyên tắc đó. Nghĩa là, quyền BĐDT không chỉ được công nhận, bảo đảm bằng pháp luật của chế độ dân chủ nhân dân, cụ thể hoá trong chính sách, chương trình, kế hoạch mà phải được triển

<sup>15</sup> Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t. 4, tr. 217.

<sup>16</sup> Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t. 10, tr.460-461.

<sup>17</sup> Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t. 11, tr.136.

<sup>18</sup> Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t. 9, tr. 587.

khai thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả trên thực tế.

Để quyền bình đẳng của các dân tộc được thực hiện trên thực tế, Hồ Chí Minh yêu cầu, *trước hết*, Đảng và Chính phủ phải có chính sách đúng, phù hợp và “phải làm đầy đủ chính sách dân tộc, phải làm cho khéo”<sup>19</sup> để thực hiện quyền bình đẳng về mọi mặt của các dân tộc. Chủ trương, chính sách thực hiện BĐDT phải sát với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, cư dân ở vùng dân tộc. Người viết: “Miền núi đất rộng người thưa, tình hình vùng này không giống vùng khác. Vì vậy, áp dụng chủ trương và chính sách phải thật sự sát với tình hình thực tế của mỗi nơi. Tuyệt đối chớ rập khuôn, chớ máy móc, chớ nóng vội”<sup>20</sup>. *Thứ hai*, phải tuyên truyền, giáo dục về BĐDT một cách đúng đắn, rõ ràng để đồng bào nghe, đồng bào hiểu những gì phải làm, cái gì phải xóa, phải giác ngộ về quyền lợi và nghĩa vụ đối với cuộc sống của chính mình, nhất là những giá trị của bình đẳng để phấn đấu và thực hiện.

Nội dung của công tác tuyên truyền, giáo dục cho đồng bào và cán bộ DTTS hết sức toàn diện, cụ thể. *Về kinh tế* phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm; phải phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, khai thác các thứ lâm sản quý, làm thêm các ngành nghề... *Về văn hoá - xã hội*, chú ý phát triển văn hoá giáo dục nâng cao trình độ học thức cho đồng bào, bãi bỏ hết những điều hủ tục cũ; mở mang đường sá, phòng bệnh; các cấp phải tôn trọng và tạo mọi điều kiện phát huy quyền làm chủ của đồng bào các dân tộc... *Cách thức tuyên truyền*: Đồng bào DTTS trình độ dân trí còn thấp, nếu cứ nói lý luận chung chung, lúc nào cũng nói Các Mác, Lênin

thì đồng bào rất khó hiểu và ít người hiểu. Cho nên, tuyên truyền giáo dục phải rất cụ thể và ngắn gọn.

Vai trò trách nhiệm của từng lực lượng thực hiện BĐDT. Trong đó, Đảng, Nhà nước, các cơ quan Trung ương và địa phương là chủ thể rất quan trọng. Người chỉ rõ: “Trung ương Đảng và Chính phủ, mà trực tiếp là các cấp uỷ đảng, các ban địa phương, các cô, các chú phải làm sao nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của đồng bào các dân tộc”<sup>21</sup>. Các cấp bộ đảng phải thi hành đúng chính sách dân tộc, thực hiện sự đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc và quan tâm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ là người DTTS. Bộ đội là lực lượng quan trọng có trách nhiệm phải giúp đỡ đồng bào cách sản xuất và bảo đảm đời sống, Người chỉ rõ: “các đơn vị bộ đội sản xuất càng phải chú ý giúp đỡ nhân dân, thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ”<sup>22</sup>. Ngoài ra, Hồ Chí Minh luôn tin vào bản tính thật thà, chất phác, giữ chữ tín, biết trọng lễ phải và công lý của đồng bào DTTS. “Nếu nói đúng thì đồng bào nghe, đồng bào làm và làm được”<sup>23</sup>. Vì vậy, phải tạo động lực, phát huy lòng tự hào dân tộc, quyền tự chủ, tinh thần tự vươn lên của các DTTS.

Việc ban hành, quán triệt và tổ chức thực hiện BĐDT phải đầy đủ và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể và phù hợp với đặc điểm văn hoá, phong tục, tập quán của mỗi dân tộc. Người yêu cầu cán bộ phải biết tiếng dân tộc để tuyên truyền, hướng dẫn đồng bào thực hiện chính sách dân tộc, BĐDT. Do đó, cán bộ đi làm việc ở nơi nào thì phải học tiếng dân tộc ở nơi ấy, nếu phải thông qua phiên dịch thì dễ bị hiểu sai lệch dẫn đến hiệu quả không cao. Mặt khác, nếu

<sup>19</sup> Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 10, tr.521.

<sup>20</sup> Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 10, tr.611.

<sup>21</sup> Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 11, tr.134-135.

<sup>22</sup> Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 9, tr.142.

<sup>23</sup> Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 11, tr.138.

cán bộ mà nói được tiếng dân tộc ở nơi mình làm việc thì sẽ gây được tình cảm của đồng bào, đồng bào sẽ tin tưởng, nghe theo và làm tốt hơn. Không chỉ vậy, Người yêu cầu các cấp, các ngành “phải làm sao *muốn lợi ích cho đồng bào... tránh được tệ hại cho đồng bào*”<sup>24</sup>. Tóm lại là phải phấn đấu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào, DTTS dần “tiến kịp” dân tộc đa số, các dân tộc đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ, cùng nhau xây dựng Tổ quốc Việt Nam tươi đẹp.

Cộng đồng các dân tộc Việt Nam với 54 dân tộc được hình thành và phát triển cùng với tiến trình lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, sinh sống gắn bó với nhau từ lâu đời, đã sớm có ý thức đoàn kết, giúp nhau trong chinh phục thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước. Sự đoàn kết gắn bó giữa các cộng đồng dân tộc đã tạo nên một quốc gia đa dân tộc thống nhất, bền vững.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của sự đoàn kết, thống nhất dân tộc. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán quan điểm, mục tiêu và theo nguyên tắc: *Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển*. Điều này được thể chế bằng Hiến pháp, luật pháp và bằng các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã ghi: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán,

truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển mọi mặt, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số”<sup>25</sup>. Thực tế cho thấy, trong Hiến pháp, các bộ luật như Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân gia đình, Luật Giáo dục, Luật Bảo vệ sức khoẻ nhân dân... đều thể hiện rõ quyền bình đẳng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Đồng thời, với việc thể chế bằng Hiến pháp và pháp luật, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước được cụ thể hóa trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, trong các chương trình, dự án đầu tư phát triển cho vùng dân tộc và miền núi, trong các chính sách, các quy định cụ thể tất cả các lĩnh vực, văn hóa, xã hội... đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Bước vào thời kỳ đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng dân tộc, chính sách dân tộc của Đảng đã được thể hiện ở các Nghị quyết của Đảng. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã khẳng định: “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số”<sup>26</sup>. Tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết là phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xoá đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế

<sup>24</sup> Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 11, tr.130.

<sup>25</sup> *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980, 1992) và Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H.2002, tr.124.

<sup>26</sup> *Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H.2011, tr.81.

manh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước... Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam phải được bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Trong điều kiện hiện nay để thực hiện thành công các mục tiêu của Đảng, Nhà nước trong việc phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, đòi hỏi tập trung vào việc xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số, trọng tâm là đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, trong những năm trước mắt tập trung trợ giúp đồng bào nghèo, đồng bào các dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; phát triển hàng hóa phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng vùng dân tộc. Khuyến khích đồng bào các dân tộc khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương làm giàu cho mình và đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; ưu tiên đặc biệt phát triển giáo dục và đào tạo, coi trọng đào tạo cán bộ và đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số; kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam đa dạng, phong phú, giàu bản sắc dân

tộc... Sự quan tâm tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển, đó chính là biểu hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc đặc trưng nhất ở Việt Nam. Thực hiện nhất quán quan điểm của Đảng về đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đó cũng chính là việc thực hiện đúng đắn, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về BĐDT ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

### 3. KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về BĐDT có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, là kim chỉ nam định hướng cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước trong việc thực hiện BĐDT, xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong điều kiện hiện nay.

Trong những năm tới, để thực hiện tốt hơn nữa BĐDT ở nước ta theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và đồng bào các dân tộc cần thực hiện đồng bộ hệ thống giải pháp cơ bản đã nêu trên. Mỗi giải pháp có vị trí, vai trò riêng nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một thể thống nhất. Tùy điều kiện cụ thể của từng địa phương phải vận dụng cho phù hợp, không coi nhẹ một giải pháp nào. Thực hiện đồng bộ những giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao hơn nữa việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. C.Mác và Ph.Ăngghen 1848, *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Toàn tập, Tập 4, Nxb CTQG, H.1995. tr. 624.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen 1871, *Nội chiến ở Pháp*, Toàn tập, Tập 17, Nxb CTQG, H.1994, tr.459.
3. V.I.Lênin 1913, *Ý kiến phê phán về vấn đề dân tộc*, Toàn tập, Tập 24, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.1980, tr.158-159.
4. V.I.Lênin 1914, *Về quyền dân tộc tự quyết*, Toàn tập, Tập 25, Nxb CTQG, H. 2005.
5. V.I.Lênin 1914, *Về quyền bình đẳng dân tộc*, Toàn tập, Tập 25, Nxb CTQG, H. 2005, tr.21.
6. V.I.Lênin 1914, *Về vấn đề chính sách dân tộc*, Toàn tập, Tập 25, Nxb CTQG, H. 2005, tr. 100, 85.
7. V.I.Lênin 1922, *Về vấn đề dân tộc hoặc vấn đề “tự trị hoá”*, Toàn tập, Tập 45, Nxb Tiến bộ Mátxcova, 1978, tr.410.
8. Hoàng Chí Bảo 2009, *Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb CTQG, Hà Nội.
9. Phan Hữu Dật 2004, *Góp phần nghiên cứu về dân tộc Việt Nam*, (sách tham khảo), Nxb CTQG, Hà Nội.
10. Lê Duẩn 1982, *Các dân tộc đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
11. Dương Quốc Dũng (chủ biên) 2006, *Bình đẳng và đoàn kết dân tộc ở Việt Nam - hỏi và đáp*, Nxb QĐND, Hà Nội.
12. Hội đồng Dân tộc Quốc hội khoá X 2000, *Chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước về dân tộc*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
13. Bùi Thị Ngọc Lan 2005, ‘Quan niệm về công bằng, bình đẳng và tương trợ cùng phát triển giữa các tộc người ở Việt Nam’ *Thông tin Chủ nghĩa xã hội khoa học - Lý luận và thực tiễn*, Số 6.
14. Nông Đức Mạnh 1992, ‘Mấy vấn đề bức thiết đối với vùng dân tộc thiểu số hiện nay’, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 8 năm 1992.
15. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia 2003, *Hồ Chí Minh về công tác dân tộc*, Nxb CTQG, Hà Nội.
16. Nguyễn Quốc Phẩm 2006, *Công bằng và bình đẳng xã hội trong quan hệ tộc người ở các quốc gia đa tộc người*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
17. Phan Xuân Sơn - Lưu Văn Quảng (đồng chủ biên) 2006, *Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.